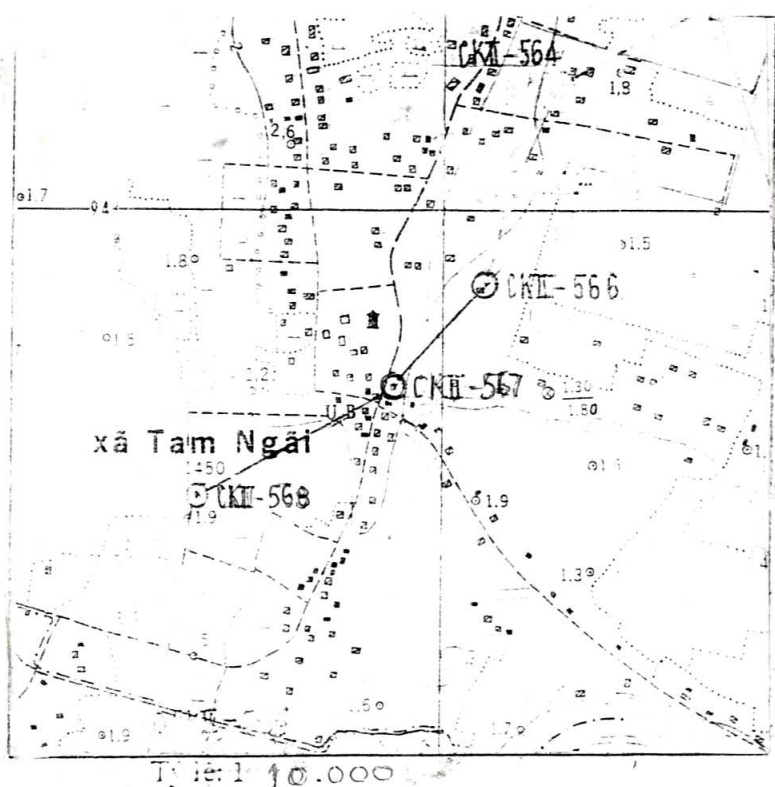


# GHỊ CHÚ ĐIỂM TỌA ĐỘ

Tên điểm: \_\_\_\_\_ Số hiệu: CK. II. 567. Mảnh bản đồ: C-48-81-A-c-1  
 Phương pháp đo: Đường chuyền Cấp, hạng: ĐI II  
 Trị giá khái lược \_\_\_\_\_ Độ cao: 6 m Kinh độ: 106° 01' 2  
 \_\_\_\_\_ \_\_\_\_\_ \_\_\_\_\_ \_\_\_\_\_ \_\_\_\_\_  
 \_\_\_\_\_ \_\_\_\_\_ \_\_\_\_\_ \_\_\_\_\_  
 Loại đất: Trần nhà Chất đất: Bê tông  
 Nơi đặt mốc: Thôn Trại Xá, Ấp Ngọc Hồ, Xã (thị trấn, phường): Tam Ngại  
 Huyện/Quận: Cầu Kê Tỉnh (Thành phố): Thị Vĩnh  
 Nơi ở gần nhất: Nhà Trại Xá Khoảng cách tới điểm: 10 m km  
 Người chọn: Phạm Trần Không Đơn vị chọn: XNTĐ 203 - Công ty địa ốc địa chính và Công trình  
 Ngày 16 tháng 4 năm 2000

Bản đồ địa hình khu vực điểm và sơ đồ hướng



Điểm thông hướng:

(Tên, số hiệu, cấp hạng điểm liên quan mà từ mặt đất điểm trạm đo nhìn thông suốt tới điểm liên quan)

Điểm:

CK. II. 566  
 CK. II. 568

Họ, tên, địa chỉ người

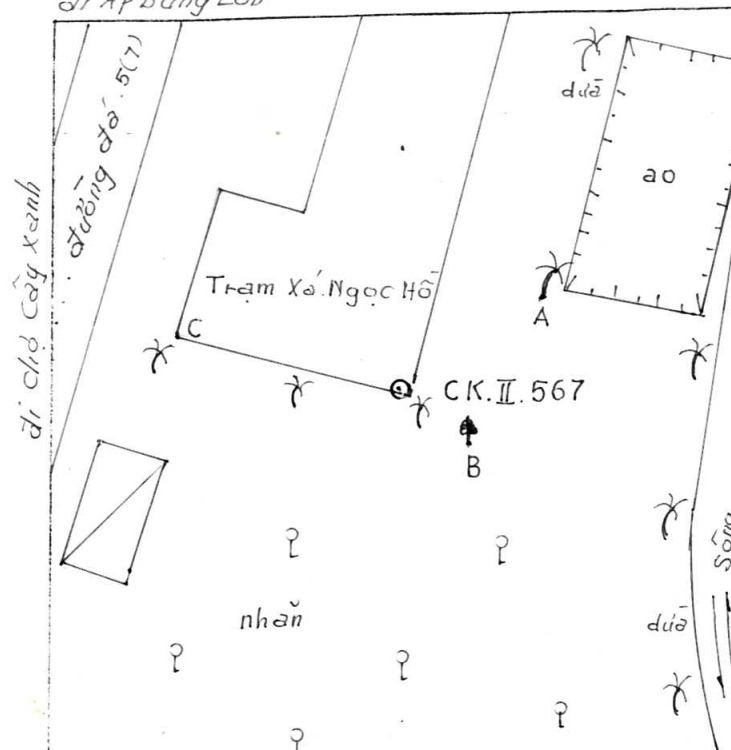
dẫn đường:

Thạch Phấn  
Phó Ban nhân ÁP  
Ấp: Ngọc Hồ  
Xã: Tam Ngại  
Huyện: Cầu Kê  
Tỉnh: Thị Vĩnh

Số liệu đo mốc (mm)

Từ van đến điểm đến	Lần 1	Lần 2	T.B.	Chiều cao các tầng mốc
Đáy cọc	1 250	1 251	1 250	
Trung tâm mốc dưới	1 084	1 085	1 084	170
Trung tâm mốc giữa				
Trung tâm mốc trên				
Mặt đất				
Mặt tường vẩy hoặc mặt				
đỉnh cột				

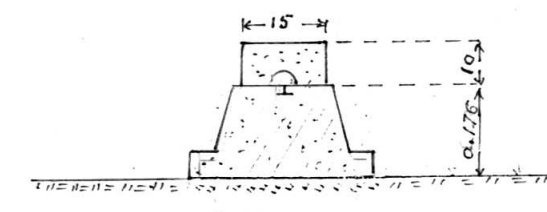
Sơ đồ vị trí điểm



Tỷ lệ: 1 5000

Đơn vị chôn mốc, làm tường vẩy:  
 XNTĐ 203 - Công ty địa ốc địa chính và Công trình  
 Người chôn mốc:  
Nguyễn Bá Tuy  
 Loại mốc: Gốc trần nhà  
 Ngày 18 tháng 4 năm 2000

Hình vẽ mặt cắt mốc, tường vẩy (đơn vị cm)



Vịc	Tên vật chuẩn	Hướng và khoảng cách từ mốc đến vật chuẩn, m
A	Cây dừa	Đông Bắc 10.10
E	Cây Cóc	Đông Nam 6.10
C	Gốc trần nhà	Tây 15.00

Điểm này, Tác dụng mốc cũ, già cũ, chọn trung mốc

Tên điểm: \_\_\_\_\_ Số hiệu: \_\_\_\_\_ Cấp, hạng: \_\_\_\_\_

Điểm này đo nội độ cao bằng: \_\_\_\_\_ Cấp, hạng: \_\_\_\_\_

Dương đi đến điểm (đường ô tô, sân, thủy, số KM):

Từ Thị trấn Huyện Cầu Kê, đi xe tới Trại Xá Ấp Ngọc Hồ (Xã Tam Ngại)  
Khoảng 11 km, tới Lều điểm 5 m

C, quan giá cổ mốc, tường vẩy, lập ghi chú điểm:

Ngày 18 tháng 4 năm 2000

Ngày 30 tháng 4 năm 2000

Người làm ghi chú điểm

Người kiểm tra

Phạm Trần Không

Hà Văn Hỷ



## HƯỚNG DẪN LẬP GHI CHÚ ĐIỂM TỌA ĐỘ

Bản ghi chú điểm tọa độ này sử dụng để làm ghi chú điểm tọa độ Nhà nước cấp "O", hạng I, II, III (cơ sở), IV và địa chính I, II. Sử dụng mực màu đen để điền viết hoặc đánh máy kiểu chữ in nghiêng. Chữ, số, nét vẽ phải rõ ràng, cẩn thận, đảm bảo khi photocopy được bản rõ nét.

1. Tên điểm: Lấy theo địa danh nơi đặt điểm địa phương thường dùng (ở vùng dân tộc ít người ghi phiên âm trong ngoặc đơn). Các điểm địa chính I, II thường không có tên điểm.

2. Số hiệu, cấp hạng điểm: Theo quy định trong luận chứng kinh tế - kỹ thuật (LCKT) - KT và thực tế thi công.

3. Mảnh bản đồ số: Là phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình lưới chiếu Gauss, tỉ lệ 1:100 000 đối với điểm cấp "O", hạng I, II, III, IV Nhà nước và tỉ lệ 1:50 000 đối với điểm địa chính I, II.

4. Phương pháp đo: Theo quy định trong LCKT - KT, thí dụ: Công nghệ GPS, đường chuyền... và thực tế thi công.

5. Giá trị khái lược: Lấy theo số liệu trên bản đồ ở mục 3. Đo cao lấy đến mét, kinh vĩ độ đến 0.1".

6. Loại đất: Đất công hay tư (tư nhân sử dụng), chất đất theo thực tế. Nếu gán trên vật kiến trúc, trên đá thì ghi rõ gán trên (tháp nước, nhà mái bằng, nền đá...) - tên riêng, tên chủ nhà.

7. Nơi đặt mốc: Là địa chỉ hiện tại. Nếu làm trên hè phố, lòng đường phải ghi tên đường, phố.

8. Nơi gắn nhãn: Là tên thôn/bản, làng/hoặc nhà ở (nếu điểm đặt ở trong khu dân cư) gần nhất. Khoảng cách tới điểm tính từ nơi gắn nhãn và lấy đến 1 km, 0.1 km hoặc tới chục mét tùy theo điểm ở xa gần cụ thể.

9. Người chọn, đơn vị chọn: Là tên người, đơn vị thực tế đã chọn điểm.

10. Điện, thông hướng: Theo quy định trong LCKT - KT và theo thực tế thông hướng của điểm.

11. Bản đồ địa hình khu vực điểm và sơ đồ hướng: Cắt và dán bản đồ địa hình hoặc bản photocopy bản địa hình, bản đồ khu vực tỉ lệ 1:10 000 - 1:50 000, mỗi cạnh ít nhất 10 cm. Lấy vị trí điểm làm trung tâm của bản đồ cấp "O", hạng I, II, III, IV Nhà nước vẽ bằng ký hiệu tam giác ▲, điểm địa chính I bằng ký hiệu \* trên \* . Canh tam giác, đường kính vòng tròn là 4 mm và tô đặc. Số hiệu điểm ghi vào chỗ thuận chiều của mũi tên, số là 2,5 mm. Hướng đến điểm thông hướng vẽ mũi tên đến vị trí điểm đó (nếu điểm ở trong khung) hoặc vẽ đến cạnh khung (nếu điểm ở ngoài khung). Số hiệu điểm thông hướng viết dọc theo mũi tên, cao 2,5 mm. Sơ đồ hướng: Chỉ vẽ hướng đến các điểm thông hướng.

12. Người dẫn đường: Là người có hồ khẩu thường trú ở địa phương, ghi địa chỉ cụ thể.

13. Sơ đồ đo mốc: Chỉ có khi chôn mốc từ hai tầng trở lên hoặc mốc có hai đầu mốc. Số liệu lấy từ sơ đồ đo mốc. Điểm tọa độ hạng IV Nhà nước, điểm địa chính I, II không có mục này. Các điểm gán trên vật kiến trúc thường cũng không có mục này.

14. Sơ đồ vị trí điểm (10 x 9)cm và vật chuẩn: Chọn tỷ lệ thích hợp để vẽ được ở vật chuẩn nằm trong khung sơ đồ. Chỉ vẽ các yếu tố chính có liên quan đến tìm điểm. Vật chuẩn phải là các địa vật cố định, ổn định lâu dài ở thực địa. Ký hiệu và số hiệu điểm quy định như ở mục 11 nhưng không tô đặc, có chấm ở tâm ký hiệu.

15. Người, đơn vị chôn mốc, làm tường vây: Mục nào không làm gạch ngang để bỏ.

16. Loại mốc: Mốc chôn 2 hoặc 3 tầng, mốc gán trên núi đá, nền đá 2 tầng, mốc gán trên vật kiến trúc 1 hoặc 2 tầng, bê thiên văn (nếu trùng vào bê thiên văn).

17. Hình vẽ mặt cắt: Theo sơ đồ ghi chú điểm cũ (mốc chôn cũ) và theo thực tế chôn mốc, làm tường vây mới.

18. Điểm này: Tận dụng mốc cũ, giá cố, chôn trên... Gạch ngang bỏ mục không làm. Nếu chôn mốc mới không gạch bỏ và không điền viết mục này.

19. Điểm này có nội độ cao bằng: Công nghệ GPS, đo... đo cao bằng phương pháp... Cấp, hạng: Căn... tương đương hạng IV, hạng IV...

20. Đường đi tới điểm: Ghi rõ đi từ địa điểm cụ thể... trước tiên gì. Nếu đi bỏ qua rừng, núi... vậy làm mới thì không ghi mục... ở 18.

21. Cơ quan gia cố mốc, tường vây, lập ghi chú điểm này: Nếu làm bổ sung thì gạch ngang để bỏ phần việc không... 18.

22. Người làm ghi chú điểm, người kiểm tra: Ghi rõ...

TỔNG CỤC ĐỊA CHÍNH

Tram ngan

## GHI CHÚ ĐIỂM TỌA ĐỘ

TÊN ĐIỂM : \_\_\_\_\_

SỐ HIỆU : CK-II-567

CẤP, HẠNG : ĐC II

NĂM 2000